

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN NƯỚC TA TRONG THỜI KÌ HẬU WTO

PGS.TS NGUYỄN HỮU HẢI*

Sau 11 năm nỗ lực đàm phán, ngày 07-11-2006, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Tuy nhiên, đây mới chỉ là khởi đầu của một chặng đường dài đầy áp những thách thức với cả quốc gia; trong đó, trách nhiệm chính đặt lên vai Chính phủ. Với 2/3 dân số hiện đang sinh sống ở địa bàn nông nghiệp và làm kinh tế nông thôn, Việt Nam phải đương đầu với những thách thức lớn lao mà chưa một nước thành viên WTO nào trước đây gặp phải.

1. Một số nét khái quát về nông nghiệp, nông thôn Việt Nam.

Trong các ngành của nền kinh tế nước ta, nông nghiệp là ngành kinh tế đặc thù, sử dụng tuyệt đại bộ phận các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tới gần 70% lực lượng lao động của cả nước. Nông nghiệp có vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế và giữ vững ổn định chính trị đất nước. Theo số liệu thống kê năm 2008, giá trị sản lượng của ngành nông nghiệp chiếm gần 22% GDP; đóng góp khoảng 22% kim ngạch hàng xuất khẩu. Trong thập kỉ qua, GDP nông nghiệp đã tăng bình quân 4,9%/năm, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp tăng với tốc độ hơn 60%, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, góp phần đáng kể vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo.

Tuy nhiên, tỉ lệ nghèo đói ở nông thôn nước ta vẫn còn cao, chiếm hơn 90% người nghèo của đất nước. Những hạn chế trong phát triển nông nghiệp và kinh tế nông

thôn nước ta là những thách thức lớn đối với sự nghiệp CNH, HĐH. Tại cuộc hội thảo “*Nông dân Việt Nam trong quá trình hội nhập*” do Viện Chính sách và Chiến lược phát triển Nông nghiệp, nông thôn tổ chức ngày 18-12-2007, những vấn đề xã hội bức xúc, nan giải trong nông nghiệp, nông thôn nước ta 20 năm qua được nêu ra là: khoảng cách giàu, nghèo và bất bình đẳng xã hội có xu hướng gia tăng; tình trạng thiếu việc làm, di dân tự phát ngày càng nghiêm trọng; xung đột xã hội có chiều hướng gia tăng; dân trí và “quan tri” thấp; dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe yếu kém; đời sống văn hóa có nhiều biểu hiện tiêu cực, xuống cấp; năng lực quản lý xã hội, kết cấu hạ tầng thấp kém; môi trường bị ô nhiễm và suy thoái ở mức báo động.

Với tính chất là một ngành kinh tế đặc biệt nhạy cảm, nông nghiệp Việt Nam chịu áp lực rất lớn của tính thời vụ, thiên tai, năng lực đầu tư và công nghệ của nông dân, tập quán làm ăn, cạnh tranh giá cả của hàng hóa nhập khẩu... Thêm vào đó, nông nghiệp nước ta mới chỉ đạt kết quả bước đầu về tăng trưởng theo chiều rộng mà chưa đạt yêu cầu phát triển theo chiều sâu, giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa còn thấp, phương thức làm nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún, tự phát.

Cần phải nhận thức được rằng, khu vực nông thôn phát triển không chỉ quan trọng trong việc xóa đói, giảm nghèo mà còn là cơ sở, là động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát

* Học viện Hành chính.

triển bền vững của cả nền kinh tế quốc dân. Chiến lược phát triển đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 của Việt Nam đã coi phát triển nông thôn là trọng tâm, cần được ưu tiên trong tiến trình CNH, HĐH đất nước. Chiến lược cũng định hướng cho kinh tế nông thôn nước ta trong tương lai cần phải kết hợp phát triển một nền sản xuất nông nghiệp bền vững, hiệu quả cao và tăng trưởng nhanh các ngành trong khu vực phi nông nghiệp.

2. Gia nhập WTO - cơ hội và thách thức đối với nông nghiệp, nông thôn.

Cũng như các quốc gia khác trên thế giới, động lực chính để Việt Nam gia nhập WTO là có được những cơ hội lớn trong tiếp cận thị trường quốc tế khi có đầy đủ tư cách của thành viên. Tuy nhiên, việc gia nhập sân chơi lớn này cũng đòi hỏi chúng ta phải tuân theo một số quy tắc nhất định, trong đó có năm nguyên tắc lớn:

- Minh bạch hóa chính sách.
- Đối xử tối huệ quốc: đối xử cho nước này không kém hơn đối xử của nước thứ ba.
- Không phân biệt đối xử.
- Đối xử quốc gia: đối xử với doanh nghiệp nước ngoài bình đẳng với doanh nghiệp của nước sở tại.
- Mở cửa thị trường hàng hóa, dịch vụ giúp cho thương mại toàn cầu phát triển, kinh tế phát triển.

WTO có khoảng 18 hiệp định lớn và 1 bộ quy tắc; trong đó, có hiệp định về nông sản hàng hóa, chống bán phá giá và chống trợ cấp trong ngành nông nghiệp.

Sau một năm gia nhập WTO, những mặt hàng chủ lực của nền nông nghiệp Việt Nam vẫn đang chứng tỏ thế và lực của một đất nước với không ít sản phẩm nông nghiệp được ghi danh trên thương trường thế giới. Theo đánh giá của Vụ Kế hoạch (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), năm 2007 tiếp tục là năm thành công trong xuất khẩu nông sản. Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của cả nước đã đạt

10,5 tỉ USD. So với năm 2006 - năm được coi là rất thành công trong xuất khẩu nông sản của Việt Nam, con số này đã tăng tới 20%. Đến hết tháng 10-2007, xuất khẩu gạo đã hoàn thành chỉ tiêu với sản lượng xuất khẩu xấp xỉ năm trước (4,5 triệu tấn) nhưng kim ngạch xuất khẩu tăng 18% (1,42 tỉ USD). Trong tuần đầu của tháng 11, cà phê Việt Nam vượt ngưỡng xuất khẩu 1 triệu tấn với tổng giá trị kim ngạch 1,55 tỉ USD (cao hơn mức dự kiến xuất khẩu của cả năm). Hiện đã có tới 5 mặt hàng là thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ, cà phê, gạo và cao su đạt giá trị xuất khẩu từ 1-3 tỉ USD.

Việc gia nhập WTO tiếp tục tạo đà thuận lợi cho xuất khẩu nông sản. Bên cạnh những hạn hàng truyền thống, hầu hết các ngành hàng xuất khẩu trong năm 2007-2008 đều tiếp nhận thêm những hạn hàng mới. Nếu như nhiều năm trước đây, xuất khẩu cao su của Việt Nam chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc thì năm 2007 đã có sự chuyển dịch rõ rệt: sản lượng cao su xuất khẩu sang Trung Quốc giảm, chỉ còn khoảng 59%, trong khi xuất sang các thị trường khác như Hàn Quốc, Đài Loan, Ma-lai-xi-a, Đức lại tăng đáng kể.

Khi gia nhập WTO, Việt Nam phải cam kết cắt giảm thuế và trợ cấp xuất khẩu đối với các ngành hàng; trong đó, có các mặt hàng nông nghiệp. Các khoản trợ cấp cũ không phù hợp sẽ phải dần dỡ bỏ hạn ngạch, cấp phép, tiến tới bỏ hẳn; phải chuyển từ chính sách can thiệp thị trường, trợ cấp xuất khẩu sang hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp. Chính sách thuế sẽ phải tuân thủ theo đúng cam kết, ràng buộc mức trần cho tất cả các dòng thuế trong biểu thuế nhập khẩu, chỉ dùng thuế nhập khẩu làm công cụ bảo hộ; tại cửa khẩu, ngoài thuế nhập khẩu, không sử dụng phí, lệ phí và các khoản thu khác nhằm mục đích thu ngân sách. Mức cam kết giảm thuế nhập khẩu bình quân đối với hàng hóa nông

nghiệp là 25,2% và 21% sẽ là mức cắt giảm cuối cùng trong thời gian từ 5-7 năm.

Như vậy có thể thấy, với việc Việt Nam gia nhập WTO, ngành Nông nghiệp nước ta đang đứng trước những thời cơ và thách thức không nhỏ.

Những cơ hội lớn cho phát triển:

Thứ nhất, khả năng tiếp cận thị trường của ngành Nông nghiệp nước ta được mở rộng. Nông nghiệp Việt Nam sẽ được hưởng chính sách tối huệ quốc (MFN) của 149 nước thành viên, hiện đang chiếm trên 90% khối lượng và giá trị thương mại thế giới.

Thứ hai, đem đến cho ngành Nông nghiệp Việt Nam cơ hội tận dụng lợi thế của cơ chế xử lý tranh chấp theo WTO, một cơ chế áp dụng các luật lệ thương mại quốc tế vào giải quyết các tranh chấp với các đối tác nước ngoài. Như vậy, chúng ta cũng sẽ có tiếng nói trong việc xây dựng các luật lệ thương mại quốc tế.

Thứ ba, việc Nhà nước phải điều chỉnh hệ thống chính sách trong nước theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế là một thách thức lớn, song lại là động lực mạnh buộc các nhà sản xuất, kinh doanh hàng nông sản và cả những người nông dân vốn quen với kiểu làm ăn tự phát, manh mún phải nỗ lực điều chỉnh tư duy và phương thức làm ăn của mình để có thể tồn tại và phát triển.

Thứ tư, trong cam kết gia nhập WTO, tuy Việt Nam phải bỏ trợ cấp xuất khẩu, song chúng ta vẫn được hưởng 10% đối với hộp xanh (trợ cấp trong nước), tức là khoảng 1,1 tỉ USD/năm. Khoản tiền này sẽ được dùng để hỗ trợ cho người nông dân trong việc sản xuất và chế biến nông sản thông qua con đường chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ nhằm phát triển ổn định, lâu dài của ngành Nông nghiệp.

Những thách thức phải đối diện:

Thứ nhất, khả năng cạnh tranh. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc chúng ta

phải mở cửa thị trường cho nông sản hàng hóa các nước tràn vào. Trong điều kiện phát triển của ngành Nông nghiệp nước ta chủ yếu đang ở trình độ tự cung tự cấp, lao động thủ công là chính, chất lượng hàng hóa nông sản chưa cao và không đồng đều, cuộc cạnh tranh giữa nông sản trong nước với hàng nhập khẩu sẽ vô cùng khó khăn. Ngay cả những sản phẩm mà chúng ta đang có thế mạnh về xuất khẩu (gạo, hạt điều, hồ tiêu) hoặc đang cố gắng phát triển để thay thế nhập khẩu (mía, đường, sữa, bông và chăn nuôi) cũng còn khoảng cách lớn với nước ngoài trên sân chơi thương mại toàn cầu.

Thứ hai, như đã phân tích, rất nhiều chính sách về nông nghiệp và các chính sách liên quan đến kinh tế thương mại buộc phải thay đổi. Điều này đặt ra khó khăn rất lớn cho các doanh nghiệp, các hộ nông dân và cho các cấp chính quyền trong việc thích ứng với những thông lệ mới ngặt nghèo và khó khăn hơn. Chẳng hạn, đối với những doanh nghiệp vốn hoạt động dựa trên phân bố hạn ngạch, nay sẽ phải chuyển sang hình thức kinh doanh không được bảo hộ hoặc mức bảo hộ thấp.

Thứ ba, nguy cơ hàng hóa nông sản bị "bóp nghẹt" bởi chính sách trợ cấp và bảo hộ nông nghiệp của các nước giàu trên thế giới. Chính phủ Mỹ hàng năm trợ cấp tới 10 tỉ USD cho các chủ trang trại trồng ngô; 3,6 tỉ USD cho các chủ trang trại sản xuất gạo; một con bò nuôi ở các nước thuộc EU được trợ cấp 2,62 USD mỗi ngày (lớn hơn thu nhập của nông dân nghèo Việt Nam) So sánh với con số 1,1 tỉ USD mà chúng ta có để trợ cấp cho người nông dân hàng năm thì thấy đây là một cuộc đua vô cùng bất lợi cho hàng hóa nông sản trong nước.

Thứ tư, nông sản Việt Nam sẽ bị đào thải nếu không nhanh chóng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế hết sức ngặt nghèo về xuất xứ hàng hóa, về kỹ thuật sản xuất, công nghệ chế biến v.v.

Từ cách thành viên WTO của nước ta không mặc nhiên biến những cơ hội phát

triển nông nghiệp, nông thôn trở thành thành tựu và cũng không phải những thách thức đặt ra đều sẽ trở thành hậu họa. Sân chơi lớn của kinh tế toàn cầu đòi hỏi Nhà nước ta phải có những chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn thích hợp để giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi ích, từ đó, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, ổn định và phát triển bền vững kinh tế đất nước.

3. Duy trì phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn thời kì hậu WTO.

Khi những cam kết gia nhập WTO của Việt Nam có hiệu lực thì vai trò hoạch định chính sách và điều tiết vĩ mô của Chính phủ là đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của nông nghiệp. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực và tận dụng các cơ hội cho phát triển nông nghiệp, các chính sách về nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ cần tập trung giải quyết những vấn đề sau:

Một là, nghiên cứu một cách toàn diện, hệ thống để xác định quy mô sản xuất hợp lý cho các ngành hàng nông nghiệp mà chúng ta có lợi thế so sánh; trên cơ sở đó đề ra các biện pháp tác động về kỹ thuật và quy hoạch sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất; chuyển các kết quả nghiên cứu thành các tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hàng hóa và phổ biến rộng rãi đến doanh nghiệp và người nông dân để thực hiện. Công tác nghiên cứu, dự báo thị trường phải được thực hiện một cách chuyên nghiệp bởi các cơ quan chuyên trách.

Hai là, trên cơ sở xác định năng lực cạnh tranh cho từng ngành hàng nông sản, xây dựng lộ trình giảm thuế phù hợp; giảm thuế mạnh đối với những mặt hàng có khả năng cạnh tranh cao, giảm thuế chậm hơn đối với những mặt hàng chưa đủ mạnh... tiến hành thu thuế đủ và đúng theo lộ trình đã vạch ra.

Ba là, xây dựng và thực hiện tốt cơ chế quản lý theo kinh tế thị trường, minh bạch đối với các mặt hàng nông nghiệp; xây dựng một số công cụ quản lý mới như *Luật*

Chống bán phá giá, chống trợ cấp; kiểm soát chặt chẽ tiêu chuẩn hàng hóa...

Bốn là, tăng cường hỗ trợ cho nông nghiệp thông qua nhóm chính sách “hộp xanh” theo hướng tăng cường hỗ trợ nghiên cứu khoa học, đào tạo, kiểm soát dịch bệnh, ưu tiên các chính sách hỗ trợ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành hàng và tạo sân chơi bình đẳng cho mọi thành phần kinh tế. Cần ưu tiên bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng “sản xuất nông nghiệp hàng hóa bền vững” cho lao động những vùng chuyên canh lớn; xây dựng lộ trình giảm dần việc sử dụng chính sách “hộp đỏ”.

Năm là, khuyến khích sử dụng hình thức trợ cấp cho doanh nghiệp nông nghiệp thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, ưu đãi cước phí vận tải hàng hóa, đa dạng hóa thị trường.

Sáu là, xây dựng đồng bộ các chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn như chính sách phát triển hạ tầng nông thôn theo hướng đô thị hóa và công nghiệp hóa, nhất là đối với vùng kinh tế động lực; chính sách hạn điền theo hướng tập trung hóa; chính sách việc làm theo hướng đa dạng hóa phù hợp với cơ cấu kinh tế của địa bàn; chính sách phát triển công nghiệp vừa và nhỏ, công nghiệp sau thu hoạch và chế biến sâu; chính sách an sinh xã hội, nhất là đối với vùng sản xuất chuyên môn hóa, chính sách giáo dục, đào tạo nâng cao dân trí và tay nghề; chính sách bảo vệ môi trường v.v. Những chính sách này sẽ đồng thời tác động đến người nông dân, biến họ trở thành những người có kiến thức về sản xuất nông nghiệp hàng hóa; có hiểu biết về ảnh hưởng của quá trình hội nhập đến công việc và cuộc sống của chính mình; có tác phong lao động công nghiệp, làm việc có kỷ luật, có kế hoạch, sáng tạo và hiệu quả; biết làm giàu và xây dựng đời sống xã hội văn minh.

Bảy là, tranh thủ sự giúp đỡ về hoạch định thể chế, chuyển giao kinh nghiệm, về vốn... của các tổ chức quốc tế như Ngân

hàng Thế giới (WB), Tổ chức lương thực và nông nghiệp thế giới (FAO), các chương trình, dự án hợp tác quốc tế để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

Muốn giải quyết tốt những vấn đề trên đây, trước hết phải đề cao vai trò chủ thể của người nông dân, đặt họ vào vị trí trung tâm của quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; để họ được quyết định lựa chọn mục tiêu, điều kiện và phương pháp tổ chức sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; được bình đẳng với các cá nhân và tổ chức kinh tế - xã hội khác theo cơ chế kinh tế thị trường. Nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng và tạo động lực cho nông dân làm kinh tế cho phù hợp với xu thế hội nhập khu vực và thế giới.

Việc gia nhập WTO đang thực sự hối thúc các nhà hoạch định chính sách vĩ mô. Một hệ thống chính sách phù hợp cùng những giải pháp thực hiện đồng bộ là hành

trung cần thiết cho con tàu “Tam nông” Việt Nam trên hành trình hội nhập□

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết TW 5 khoá X Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Bài viết của ông Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Hợp tác Kinh tế quốc tế nhân sự kiện Việt Nam kỉ niệm 2 năm sau ngày gia nhập WTO.
3. Nông nghiệp Việt Nam sau 2 năm gia nhập WTO: Tư duy quản lý và sản xuất đã thay đổi- Bài trao đổi của ông Diệp Kính Tân, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4. Những tác động chủ yếu của việc gia nhập WTO đến nông nghiệp Trung Quốc - Tạp chí Kinh tế và Dự báo. Số 5-2006.
5. Chiến lược phát triển nông thôn bền vững- Tạp chí Tia Sáng ngày 16-6-2008.
6. Đưa chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn thành sản phẩm cấp cao - Bài phát biểu của Bộ trưởng Cao Đức Phát tại Hội thảo “Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn (IPSARD) - Tầm nhìn 2020”. ngày 04-12-2007. tại Hà Nội.

* * * * *

QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ...

(Tiếp theo trang 8)

dân không phải trả lời khi cơ quan công quyền hỏi, mà chưa có luật sư, người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình ở bên cạnh. Hoặc, quy định cụ thể hơn về các biện pháp xử lý đối với cán bộ, công chức làm việc trong hệ thống cơ quan tư pháp hình sự không trả lời các khiếu nại, tố cáo của công dân.

Thứ tư, cần tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ quan trong hệ thống tư pháp hình sự, như hội trường, phòng làm việc, các máy móc thiết bị như máy tính, máy photô, màn hình... để tạo điều kiện trong việc tiếp xúc, làm việc hay tuyên truyền phổ biến các chính sách quan điểm của Đảng về khả năng tiếp cận hệ thống tư pháp hình sự cho công dân.

Cần phải đầu tư kinh phí cho các hoạt động này, để có những chi phí thích hợp cho các công dân tham gia vào các hoạt động tố tụng hình sự, hoặc triển khai các biện pháp khuyến khích, khen thưởng thì mới động viên được công dân tích cực tham gia tiếp cận hệ thống tư pháp hình sự.

Có thể nói rằng, trong những năm vừa qua Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều quan điểm, chính sách và pháp luật nhằm tăng cường năng lực tiếp cận của công dân đối với hệ thống tư pháp hình sự. Các quan điểm này đang từng bước được triển khai trong hoạt động của hệ thống của cơ quan tư pháp hình sự và ngày càng trở thành những hiện thực sinh động thể hiện tính ưu việt của nền tư pháp xã hội chủ nghĩa□